

Bản án số: 213/2024/HS-PT

Ngày: 10/7/2024.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Các Thẩm phán:

1. Bà Đoàn Thị Hương Giang

2. Bà Lê Thị Thương Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 168/2024/TLPT-HS ngày 27/5/2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kiều T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HSST ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kiều T**; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1994 tại tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã Ph, huyện P, tỉnh H; Chỗ ở: Nhà số 310 P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (không đăng ký tạm trú); Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Hoàng M và bà Nguyễn Tuyết T; bị cáo không có chồng, con: 02 người con, con lớn sinh năm 2011 (bị cáo khai đã cho con), con nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 11 năm 2014 gia đình đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy tại Trung tâm cai nghiện ma túy T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 16/12/2014 thì được về. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kiều T quen với Đại Phúc N từ khoảng tháng 01/2015 và cùng thuê phòng trọ sống chung với nhau như vợ chồng. Vào ngày 07/8/2015, T và N gặp 01 người bạn của N tên Nguyễn Văn Đ (chưa rõ lai lịch) tại B, Đ chỉ cho T

và N cách giả làm đơn có mất thẻ giữ xe và giấy tờ xe để đến bãi giữ xe lợi dụng sơ hở lừa đảo chiếm đoạt xe, đồng thời Đ đưa cho T 01 giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Lê Trường G để T dán ảnh của mình vào giả làm người tên Lê Trường G để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau đó, N chở T về khách sạn A trên đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để bàn bạc cách đi lừa đảo chiếm đoạt xe bán lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 09 giờ ngày 08/8/2015, N sử dụng xe mô tô Yamaha Sirius, biển số 59M1-288.28 chở T đến bãi giữ xe số 1 Bến xe Miền Đông, địa chỉ 292 Đ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến nơi, T và N đi bộ vào bãi giữ xe chọn xe có giá trị lớn để chiếm đoạt. Sau khi nhìn thấy xe Honda Vision màu trắng, biển số 76E1-276.08, cả 02 thống nhất chiếm đoạt xe này, N lấy giấy viết ghi lại nhãn hiệu xe và biển số xe, do ít học nên N ghi nhầm thành xe Visanx Fi màu trắng, biển số 76E1-276.80. Sau đó, T giả vờ trình báo với nhân viên bãi giữ xe tên Lê Hoàng H là bị mất thẻ giữ xe và giấy tờ xe, yêu cầu không được giao xe cho ai khác. Sau đó, N chở T quay về khách sạn A. Tại đây, T làm 01 đơn có mất giấy đăng ký xe, thẻ giữ xe Visanx Fi màu trắng, biển số 76E1-276.80, chứng minh nhân dân tên Lê Trường G. Vào lúc 08 giờ ngày 09/8/2015, T mang đơn có mất đến Công an Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và được ông Hoàng Trọng N1 - Phó trưởng Công an Phường A, Quận F ký xác nhận.

Sau khi đã được xác nhận đơn có mất, khoảng 09 giờ ngày 09/8/2015, T và N đến bãi giữ xe số 1 Bến xe Miền Đông gặp anh Trần Văn P, là quản lý bãi giữ xe đề nghị nhận xe Honda Vision màu trắng, biển số 76E1-276.08. Anh Trần Văn P yêu cầu phải có thêm 01 đơn bảo lãnh của người thân và bản photo sổ hộ khẩu của người bảo lãnh nên N chở T về nhà của N tại 634, khu phố 1, tỉnh lộ 1, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để N lấy sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân của cha N là ông Đại Kiến Th đi photo và N tự viết 01 đơn bảo lãnh ghi tên Đại Kiến Th bảo lãnh cho con dâu. Đến 13 giờ 30 phút ngày 09/8/2015, N chở T quay lại gặp anh Trần Văn P bổ sung đơn bảo lãnh và giấy tờ photo sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân tên Đại Kiến Th, anh P tin tưởng nên giao xe Honda Vision màu trắng, biển số 76E1-276.08 cho T và N.

Sau khi chiếm đoạt được xe Honda Vision màu trắng, biển số 76E1-276.08, N dắt xe đi tháo ổ khóa xe, sau đó gửi xe vào 01 bãi giữ xe khác. Đến khoảng 19 giờ ngày 09/8/2015, N đi xe ôm đến bãi giữ xe lấy xe Honda Vision màu trắng, biển số 76E1-276.08 đem đi bán được 8.000.000 đồng, N chia cho T 1.500.000 đồng, cả 02 tiêu xài hết số tiền này. Đến ngày 18/8/2015, N cãi nhau với T nên N bỏ đi khỏi khách sạn A, chỉ còn mình T thuê ở. Đến 16 giờ ngày 19/8/2015, T đến Công an Phường C, Quận F để chứng giấy có mất nhằm tiếp tục gây án thì bị Công an Phường C, Quận F giữ lại bàn giao cho Công an Quận B.

Sau khi tiếp nhận Nguyễn Thị Kiều T, do chưa thu hồi được tài sản là xe Honda Vision màu trắng, biển số 76E1-276.08, chưa làm việc được với Đại Phúc N nên ngày 23/8/2015, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận B lập hồ sơ đưa T vào Trung tâm bảo trợ xã hội T theo diện người sinh sống nơi công

cộng không có nơi cư trú nhất định. Sau đó do có thai, đến ngày 04/12/2015 T được chuyển đến Trung Tâm Bảo Trợ C. Đến ngày 31/12/2015, T được hỏi gia theo Quyết định số 344/QĐ-CPH-GD ngày 31/12/2015, lí do: được gia đình bảo lãnh về địa chỉ ấp P, xã Ph, huyện P1, tỉnh H.

Ngày 29/3/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận B ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Thị Kiều T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Xác minh tại ấp P xã Ph, huyện P1, tỉnh H, nơi T đăng ký thường trú thì T không có mặt tại địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận B không thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam được. Đến ngày 29/7/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận B ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đồng thời ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Thị Kiều T.

Đến ngày 27/3/2023, Nguyễn Thị Kiều T đến Công an Phường F, Quận B đầu thú.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận B, Nguyễn Thị Kiều T khai nhận hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên.

Đối với Đại Phúc N có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đ. Qua xác minh, Đại Phúc N không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ địa chỉ cụ thể. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận B xác minh tại địa chỉ 634, khu phố 1, tỉnh lộ 1, phường Đ quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì Đại Phúc N không thực tế cư trú tại địa chỉ trên.

Đối với Đại Kiến Th, qua xác minh có hộ khẩu thường trú tại 117 Đ, Phường O, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 117 Đ, Phường O, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh). Hiện ông Th không còn cư trú tại địa chỉ trên. Năm 2015 đã bán nhà chuyển về cư ngụ tại 634, khu phố 1, tỉnh lộ 1, phường Đ, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng qua xác minh thì Đại Kiến Th không thực tế cư trú tại địa chỉ trên.

Căn cứ Thông báo kết luận về việc định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Quận B số 937/TB-TCKH ngày 14/10/2015, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 76E1-276.08 có trị giá 25.000.000 đồng.

Kết quả xác minh, xe mô tô Honda Vision, biển số 76E1-276.08 do chị Nguyễn Thị Bích T3 (sinh năm 1993, địa chỉ: thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Q) đứng tên chủ sở hữu. Vào ngày 07/8/2015, chị T3 gửi xe trên tại bãi giữ xe số 1 Bến xe M để về quê Q. Đến ngày 12/8/2015, chị T3 vào lại Thành phố Hồ Chí Minh và đến bãi giữ xe để lấy xe trên thì anh Trần Văn P, quản lý bãi giữ xe thông báo đã có người đến lấy xe vào ngày 09/8/2015. Sau đó, chị Thảo đến Công an Phường J, Quận B trình báo sự việc.

Thu giữ, xử lý vật chứng:

- 01 bản photo tờ cam kết tên Lê Trường G, sinh ngày 02/4/1991 viết vào ngày 09/8/2015 (do T viết)

- 01 bản photo giấy chứng minh nhân dân số 021618110 tên Đại Kiến Th.
- 01 bản photo sổ hộ khẩu số 040032485, tên chủ hộ Đại Mộc S, số nhà 117 Đ, Phường O, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 01 bản photo giấy bảo lãnh tên Đại Kiến Th viết ngày 09/8/2015 (do N Viết)
- 01 bản photo giấy chứng minh nhân dân số 341576377 tên Lê Trường G
- 01 bản photo đơn có mất giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 76E7-276.80, phiếu gửi xe, chứng minh nhân dân tên Lê Trường G, do T làm đơn vào ngày 08/8/2015 được Công an Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận
- 01 bản photo vé giữ xe gắn máy số 0225715

Đây là những tài liệu Nguyễn Thị Kiều T sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Trách nhiệm dân sự: Xe Honda Vision màu trắng, biển số 76E1-276.08 hiện chưa thu hồi được. Doanh nghiệp tư nhân Mai Đức D, ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Bích T3 và bị cáo đã tự thỏa thuận về việc bồi thường. Không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HSST ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

\* Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều T 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/4/2024 bị cáo Nguyễn Thị Kiều T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo vì nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

***Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:***

- Bị cáo Nguyễn Thị Kiều T đã thừa nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo thực hiện như Bản án sơ thẩm đã xác định, bị cáo xin được hưởng án treo để nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu:

Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo

kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem xét. Đồng thời, mức án 9 tháng tù cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ N bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo hứa sẽ đi cải tạo tốt để sớm về chăm sóc con nhỏ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận B, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận: Vì cần tiền tiêu xài cá nhân, vào ngày 09/8/2015, bị cáo Nguyễn Thị Kiều T và Đại Phúc N đến bãi giữ xe số 1 Bến xe M, địa chỉ 292 đường Đ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Thị Kiều T và Đại Phúc N dùng thủ đoạn gian dối giả báo mất thẻ xe, mất giấy tờ xe, sau đó cung cấp các tài liệu được làm giả gồm đơn có mất thẻ xe và giấy tờ xe làm cho anh Trần Văn Phú, là quản lý bãi giữ xe số 1 Bến xe M tin là thật nên đã giao 01 xe gắn máy Honda Vision, biển số 76E1-276.08, tài sản bị chiếm đoạt có trị giá 25.000.000 đồng, sau khi chiếm đoạt tài sản thì mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kiều T đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án nhân dân Quận B đã xét xử bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có 2 con, trong đó có 1 con sinh năm 2023, bị cáo đầu thú, đã bồi thường cho bị hại và bị hại đã có đơn bãi nại, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo giữ N kháng cáo xin được hưởng án treo vì bị cáo nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Xét, bị cáo không có nơi cư trú rõ ràng,

sống tại địa chỉ số 310 P, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không đăng ký tạm trú, hiện bị cáo không có việc làm, không đủ điều kiện để hưởng án treo. Mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ N bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

1.Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kiều T. Giữ N Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2024/HSST ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kiều T** 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3.Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Kiều T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- TAND Quận B; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận B; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA Quận B; (1)
- Bị cáo; (1)
- Công an Quận B; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (21) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên**

